

UNIT 6:**FOLK TALES****A CLOSER LOOK 1****I/ NEW WORDS:**

- woodcutter /'wʊdkʌtər/	(n) : tiểu phu
- tortoise /'tɔɪ.təs/	(n) : con rùa
- hare /heər/	(n) : con thỏ rừng
- wolf /wʊlf/	(n) : con chó sói
- fox /fɒks/	(n) : con cáo
- ogre /'əʊ.gər/	(n) : yêu tinh
- evil /'iː.vəl/	(adj) : xấu xa (về đạo đức)
- cunning /'kʌn.ɪŋ/	(adj) : xảo quyệt
- cruel /'kruː.əl/	(adj) : độc ác
- greedy /'ɡriː.di/	(adj) : tham lam, háu ăn
- wicked /'wɪk.ɪd/ /	(adj) : xấu xa, độc ác
- glitch /ɡlɪtʃ/ - witch	(n) : mù phù thủy
- mean /miːn/	(adj) : keo kiệt, bủn xỉn,
- fierce /fiəs/	(adj) : hung dữ, dữ tợn

--	--